

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày: 25/4/2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Trọng Kim.

2. Bà Nguyễn Thị Mên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 và quyết định thay đổi Thư ký số 68/2023/QĐ-TĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số A, đường B, khu phố C, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị Kim Q, sinh năm 1965; nơi cư trú: Đường số A1, tổ B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Đường số A1, tổ B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về

việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim T trình bày: Vào ngày 07/10/2010, bà Hoàng Thị Kim Q có vay của bà số tiền 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Thời hạn vay bà Q hẹn đến tháng 6/2017 sẽ thanh toán đủ số tiền này cho bà. Khi vay thì bà Q có viết cho bà 01 giấy vay tiền đề ngày 07/10/2010. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng bà Q vẫn không chịu trả, mặc dù đã nhiều lần bà yêu cầu trả nợ nhưng bà Q vẫn né tránh mà không chịu trả. Bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Hoàng Thị Kim Q cùng chồng là ông Nguyễn Đức C phải liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà T khai: Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết buộc bà Hoàng Thị Kim Q phải trả cho bà số tiền nợ vay là 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Khi bà Q vay tiền thì chồng bà Q là ông Nguyễn Đức C không biết nên nay bà không yêu cầu ông C phải liên đới cùng bà Q trả nợ.

Tại bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị Kim Q trình bày: Bà không có vay tiền của bà Hoàng Thị Kim T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà và chồng là ông Nguyễn Đức C phải liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh thì bà không đồng ý. Chữ ký và chữ viết ghi tên Hoàng Thị Kim Q trong giấy vay tiền đề ngày 07/10/2010 không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Bà Quy cam kết đến hết ngày 10/3/2023 mà bà không có đơn yêu cầu để trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết nộp cho Tòa án thì xem như bà từ bỏ yêu cầu này.

Tại biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 20/02/2023 có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức C trình bày: Ông và bà Hoàng Thị Kim Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Việc bà Q có vay tiền của bà Hoàng Thị Kim T hay không thì ông hoàn toàn không biết gì, bà Q và bà T cũng không thông báo cho ông biết về việc vay tiền giữa hai người. Trong trường hợp bà Q có vay tiền của bà T thì bà Q có nghĩa vụ trả cho bà T, ông không biết bà Q vay tiền để sử dụng vào mục đích gì; còn ông không có liên quan gì đến khoản nợ trên nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì lý do bận công việc nên ông C đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về

việc giải quyết vụ án, nhưng do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức C không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật TTDS năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ tại giấy vay tiền ngày 07/10/2010 (bút lục số 03), xác nhận bà Hoàng Thị Kim Q có vay tiền của bà Hoàng Thị Kim T là 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng), không thể hiện lãi suất vay, thời hạn vay đến tháng 6/2017 thể hiện qua chữ ký của bà Hoàng Thị Kim Q. Tại bản khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 03/3/2023 ghi nhận lời khai của bà Hoàng Thị Kim Q, bà Q cho rằng tại giấy xác nhận nợ không phải là chữ ký của bà, bà yêu cầu Tòa án đến hết ngày 10/3/2023 mà bà không nộp đơn yêu cầu giám định cho Tòa án thì đồng nghĩa với việc bà từ bỏ yêu cầu.

Nhưng đến thời Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 27/3/2023, bà Hoàng Thị Kim Q không cung cấp giấy tờ tài liệu liên quan để chứng minh lời khai của mình là có cơ sở, không chứng minh được đó có phải là chữ ký của mình hay không. Việc bà Q vay mượn tiền của bà T chỉ có chữ ký xác nhận vay của bà Q, không có xác nhận của ông Nguyễn Đức C nên ông C không phải có trách nhiệm liên đới với bà Q cùng trả tiền cho bà T là phù hợp.

Vì vậy, căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị Kim Q phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Kim T số tiền gốc 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Hoàng Thị Kim Q nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức C vắng mặt có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về tiền nợ gốc: Bị đơn bà Hoàng Thị Kim Q cho rằng, bà không có vay tiền của bà Hoàng Thị Kim T. Bà Q đề nghị cho trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết ghi tên Hoàng Thị Kim Q trong giấy vay tiền đề ngày 07/10/2010, vì bà cho rằng đây không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Tuy nhiên, đã quá thời hạn yêu cầu nhưng bà Q vẫn không có đơn đề nghị trưng cầu giám định và bà cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, chứng cứ nguyên đơn nộp khi khởi kiện là giấy vay tiền đề ngày 07/10/2010, với số tiền vay 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) là hợp pháp. Vì vậy, cần buộc bà Q phải trả cho bà T số tiền nợ vay nêu trên là phù thực tế và đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc nên không phải xem xét.

[2.4] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bị đơn bà Q phải trả nợ, không yêu cầu ông Nguyễn Đức C phải liên đới cùng bà Q để trả nợ. Thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện; hơn nữa

lời khai của ông Nguyễn Đức C cũng không biết và không thừa nhận về khoản nợ này. Do đó, cần buộc một mình bà Q phải trả cho bà T số tiền nợ nêu trên là đúng pháp luật.

[2.5] Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Kim Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc bà Hoàng Thị Kim Q phải trả cho bà Hoàng Thị Kim T số tiền là 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Kim Q phải chịu số tiền 1.460.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà Hoàng Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 1.119.000 đồng (Một triệu một trăm mười chín

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012636 ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/4/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận

